

Bản án số: 83/2024/DS-ST
Ngày: 17/7/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Phước Công;
- Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2024 “tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2024/QĐXX ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị B, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị H (T), sinh năm 1976; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Ngọc T1, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị B trình bày: Do chỗ quen biết với bà H bà có tham gia 01 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/3/2022 (al) hụi có 27 hụi viên, dây hụi này bà tham gia 01 phần (trong dây hụi này chủ hụi ghi tên B số

thứ tự số 21) bà châu được lần 19 lần hội sống, hội khai đến lần thứ 20 thì bà bỏ hội hốt, hốt được số tiền 49.830.000 đồng trừ tiền huê hồng 1.000.000 đồng nên còn lại 48.830.000 đồng, còn lại 07 lần hội chết bà đồng ý khấu trừ vào số tiền bà hốt được, sau khi khấu nên còn lại số tiền 34.830.000 đồng, nhưng sau đó bà **H** không giao cho bà. Nay bà yêu cầu bà **H** có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hội là 34.830.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà **Dương Thị H** trình bày:* Bà thừa nhận bà có làm chủ dây hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/3/2022 (al) hội có 27 hội viên, dây hội này bà **B** tham gia 01 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên **B** số thứ tự số 21) bà **B** châu được lần 19 lần hội sống, hội khai đến lần thứ 20 thì bà **B** bỏ hội hốt, hốt được số tiền 49.830.000 đồng trừ tiền huê hồng 1.000.000 đồng nên còn lại 48.830.000 đồng và còn lại 07 lần hội chết bà **B** đồng ý khấu trừ vào số tiền hội chết và tiền huê hồng nên còn lại 34.830.000 đồng, sau đó bà không giao cho bà **B**, vì trước đó bà **B** có tham gia bà dây hội 2.000.000 đồng đồng/tháng khai ngày 10/10/2018 (al) hội có 24 hội viên, dây hội này bà **B** tham gia 02 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên **B** số thứ tự số 19, 20) bà **B** châu được 01 lần hội, hội khai lần thứ 02 thì bà **B** hốt, hốt được số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, bà **B** có châu cho bà được 02 lần hội chết, còn lại 20 lần hội chết thì bà **B** không châu nên nợ bà lại 40.000.000 đồng do đó bà không cho bà **B** chơi phần hội thứ 02, bà yêu cầu khấu trừ vào số tiền Bông hốt dây hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/3/2022 (al) sau khi khấu trừ nên còn lại 34.830.000 đồng, bà yêu cầu bà **B** phải trả lại cho bà số tiền còn thiếu lại là 5.170.000 đồng.

- *Tại tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Dương Ngọc T1** trình bày:* Đối với vụ hội giữa bà **B** với bà **H** thì ông không có liên quan gì và cũng không có tham gia hội do bà **H** làm chủ, còn việc bà **H** cho rằng ông có thiếu tiền bà thì bà có thể cung cấp giấy tờ hay biên nhận nợ giữa ông với bà thì bà kiện ông bằng một vụ án khác.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hội viên (bản photo).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà **Dương Thị B** đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà **Dương Thị H** không thống nhất số nợ hội mà bà **B** kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Ngọc T1 không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà Dương Thị B là hội viên do quên biết nên có tham chơi hội do bà Dương Thị H (T) làm chủ hội, bà B tham gia 01 dây hội, gồm: Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30/3/2022 (âl) có 27 phần, bà B đã tham gia 01 dây hội, hội khai đến lần thứ 20 (30/9/2023 âl) thì bà B hốt được số tiền 49.830.000 đồng. Sau khi trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng và còn lại 07 lần hội chết là 14.000.000 đồng, bà B đồng ý khấu trừ vào số tiền hội đã hốt, sau khi trừ tiền huê hồng và hội chết nên còn lại 34.830.000 đồng. Sau đó, bà B có liên hệ với bà H để yêu cầu thanh toán cho tôi số tiền hội là: 34.830.000 đồng thì bà H không chịu giao tiền. Yêu cầu bà Dương Thị H (T) phải trả số tiền hội là: 34.830.000 đồng.

Phía Bà H (T) thừa nhận có làm chủ dây hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/3/2022 (âl) hội có 27 hội viên, dây hội này bà B tham gia 01 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên “ Bông số thứ tự số 21”. Bà B chầu được lần 19 lần hội sống, khai đến lần thứ 20 thì bà B hốt được số tiền 49.830.000 đồng tiền huê hồng 1.000.000 đồng nên còn lại 48.830.000 đồng và 07 lần hội chết là 14.000.000 đồng, bà B đồng ý khấu trừ nên còn lại 34.830.000 đồng. Do bà B có tham gia dây hội 2.000.000 đồng đồng/tháng khai ngày 10/10/2018 (âl) hội có 24 hội viên, dây hội này bà B tham gia 02 phần (trong dây hội này chủ hội ghi tên “ Bông số thứ tự số 19, 20, Bà B chầu được 01 lần hội, hội khai lần thứ 02 thì bà B hốt, số tiền bao nhiêu thì không nhớ. Bà B có chầu cho bà H được 02 lần hội chết, còn lại 20 lần hội chết thì bà B không chầu nên nợ bà H (T) lại 40.000.000 đồng nên bà H (T) không cho bà B chơi phần hội thứ 02, do đó bà H (T) yêu cầu khấu trừ vào số tiền bà B tham gia dây hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/3/2022 (âl), yêu cầu bà B phải trả lại số tiền còn thiếu là 5.170.000 đồng. Tuy nhiên, bà H từ khi biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng

không có yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ của nguyên đơn, cho nên không có căn cứ xem xét.

Xét thấy, căn cứ bà **B** khởi kiện là sổ hụi khai ngày 30/3/2022 (âl), hụi 2.000.000 đồng/tháng và biên bản xác minh ngày 06/6/2024 đối với bà **Nguyễn Thị D**, **Nguyễn Thị M** xác định bà **Dương Thị B** có tham gia đây hụi trên do bà **H (T)** làm chủ hụi nên có cơ sở xác định việc giao dịch hụi giữa bà **B** và bà **H (T)** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận do bà **H (T)** không giao tiền hụi cho bà **B**, là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi nên bà **B** khởi kiện yêu cầu bà **H (T)** trả nợ 34.830.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Về tính suất, do bà **B** không yêu cầu nên không đề cập đến.

Đối với, ông **T1** thì vụ hụi giữa bà **B** với **H (T)** thì ông **T1** không có liên quan gì, cũng không tham gia hụi do bà **H (T)** làm chủ. Ngoài ra, bà **H (T)** cho rằng có nợ tiền, nếu có đầy đủ chứng cứ thì bà **H (T)** sẽ khởi kiện ông **T1** bằng vụ án dân sự khác.

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự:

- Công nhận hợp đồng hụi giữa bà **Dương Thị B** và bà **Dương Thị H (T)**.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Dương Thị B**.
- Buộc bà **Dương Thị H (T)** có nghĩa vụ trả bà **Dương Thị B** số tiền nợ hụi là 34.830.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà **Dương Thị Bông H1** kiện yêu cầu bị đơn bà **Dương Thị H (T)** có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi cho bà là 34.830.000 đồng. Bà **H** có nơi cư trú **ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai và lời trình bày của bà **Dương Thị B** tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa bà **B** với bà **H (T)** có ký kết hợp đồng góp hụi giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, trong quá trình tham gia chơi hụi thì bà **B** là người trực tiếp giao dịch hụi với bà **H (T)**, danh sách hụi thì được

bà H (T) ghi tên “Bông”, sau khi bà B châu được 19 lần hội sống thì đến lần thứ 20 bà B bỏ hội hốt nhưng sau đó bà H không giao tiền hội cho bà B, bà B có yêu cầu bà H (T) có nghĩa vụ trả số tiền hội cho bà là 34.830.000 đồng thì bà H (T) vẫn không thực hiện, do đó bà H (T) vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại các biên bản hòa giải và cũng như lời trình bày của bà H tại phiên Tòa, bà H cho rằng bà B còn nợ bà số tiền hội trong đây hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10/10/2018 (al) hội có 24 hội viên, sau đó bà B bỏ hốt và không châu hội chết cho bà còn lại 40.000.000 đồng. Đối với đây hội này thì không có liên quan gì đến đây hội mà bà B kiện bà, do đó bà cung cấp chứng cứ chứng minh là bà B nợ tiền hội chết của bà là 40.000.000 đồng thì bà sẽ khởi kiện thành một vụ án khác, vì vậy lời trình bày của bà không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà B cung cấp có danh sách đây hội thể hiện từng hội viên tham gia trong đây hội.

Đối với những người làm chứng trong đây hội do bà B tham gia thì cũng đều xác định có cùng tham gia chơi chung với bà B trong đây hội 2.000.000 đồng/tháng do bà H (T) làm chủ. Khi góp hội đến kỳ mở hội thì bà H (T) là chủ hội có nhiệm vụ đi thu tiền từ các hội viên giao lại cho người được hốt và bà hưởng tiền huê hồng và hiện nay bà H (T) còn nợ lại số tiền hội mà bà B hốt được sau khi trừ tiền hội chết và tiền huê hồng nên còn lại số tiền 34.830.000 đồng nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho bà B.

Như vậy, lời khai của bà B phù hợp với lời khai những người làm chứng tham gia chơi hội chung với bà B là có thực tế. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:

Bà B yêu cầu bà H (T) có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hội là 34.830.000 đồng.

Đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn: Từ khi hội đã mãn đến nay, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền hội cho bà B còn thiếu lại là 34.830.000 đồng, bà H cho rằng bà B còn thiếu số tiền hội chết của bà trong đây hội 2.000.000 đồng là 40.000.000 đồng, ngoài ra bà không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà B nợ bà số tiền hội 40.000.000 đồng. Bà H từ khi biết được bà B khởi kiện bà nhưng bà cũng không có yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ trả nợ của nguyên đơn, cho nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét đối với yêu cầu của bà.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **B**, buộc bà **H (T)** có nghĩa vụ trả cho bà **B** số tiền hụi là 34.830.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Đối với nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Đối với ý kiến của ông **T1** thì vụ hụi giữa bà **B** với **H (T)** thì ông không có liên quan gì và cũng không tham gia hụi do bà **H (T)** làm chủ. Ngoài ra, bà **H (T)** cho rằng ông có nợ tiền bà, nếu có đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh ông nợ tiền bà **H (T)** thì bà **H (T)** sẽ khởi kiện ông **T1** bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án bà **B** không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Dương Thị H (T)** phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Bà **Dương Thị B** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 282, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Dương Thị B**.

Buộc bà **Dương Thị H (T)** có nghĩa vụ trả cho bà **Dương Thị B** số tiền hụi là 34.830.000 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị H (T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.741.500 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn năm trăm đồng)

Bà Dương Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Dương Thị B số tiền tạm ứng án phí là 834.000 đồng (tám trăm ba mươi bốn ngàn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015128 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn